

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v tranh chấp “hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;
2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HN ngày 24/4/2023, Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ 14, ấp A, xã An H, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyen Hung D, sinh năm 1962, nơi cư trú: 168 Audubon, Newington, CT 06, Hoa Kỳ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Năm 2015 do mai mối bà Lê Thị H và ông Nguyen Hung D quen nhau tìm hiểu, tiến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 08/6/2017. Sau khi kết hôn, ông Nguyen Hung D sống chung với bà H được 3 tuần sau đó trở về Mỹ và có làm thủ tục bảo lãnh hồ sơ bảo lãnh bà H sang Mỹ sống nhưng phỏng vấn xin visa bị trượt. Sau đó ông Nguyen Hung D không tiếp tục bảo lãnh bà H sang Mỹ vì dịch bệnh Covid-19 từ đó đến nay bà H và ông Nguyen Hung D xa cách, tình cảm dần phai nhạt và không còn liên lạc với nhau. Nay bà H làm đơn khởi kiện ly hôn với

ông Nguyen Hung D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyen Hung D đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 19-6-2023 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự nhưng đến nay ông Nguyen Hung D không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyen Hung D, sinh năm 1962 có nơi cư trú tại Hoa Kỳ, nguyên đơn có nơi cư trú tại tổ 14, ấp An Phú, xã An Hòa, huyện C, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Nguyen Hung D có địa chỉ tại Hoa Kỳ đã được Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) vào ngày 19/6/2023 nhưng ông Nguyen Hung D không liên hệ Tòa án và cũng không gửi ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, đồng thời bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Nguyen Hung D tự nguyện có đăng ký kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 08/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày nguyên nhân xin ly hôn là do ông Nguyen Hung D không tiếp tục bảo lãnh bà H sang Mỹ vì dịch bệnh Covid-19 từ

đó đến nay bà H và ông Nguyen Hung D xã cách, tình cảm dần phai nhạt và không còn liên lạc với nhau.

Bị đơn ông Nguyen Hung D đã được Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc, xét xử của Tòa án nhưng vắng mặt lần thứ hai, không gửi ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà H cho Tòa án và cũng không đến Tòa án theo lịch làm việc.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung; Không có

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Dương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ tạm ứng đã nộp.

Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà H phải chịu là 3.182.080 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.350.000 đồng. Bà H được nhận lại 167.920 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyen Hung D.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0000345 ngày 26/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 3.182.080 đồng (ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000213 ngày 28/10/2022 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000215 ngày 14/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà H được nhận lại 167.920 đồng (Một trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Bà Lê Thị H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0068323 ngày 28/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà H đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Thời hạn kháng cáo của Lê Thị H là 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Hưng D là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân huyện C;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GD và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang